

An Giang, ngày 13 tháng 02 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước biến đổi chậm. Mực nước cao nhất phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-15cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước biến đổi chậm, mực nước cao nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 5-10cm, cao hơn TBNN từ 10-30cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 12/02 phổ biến ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-15cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước lên chậm, đỉnh triều tại các trạm ở mức thấp.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh ít biến đổi trong 2 ngày đầu, sau lên chậm.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước ít biến đổi trong 2 ngày đầu, sau lên chậm.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch ít biến đổi.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé biến đổi chậm. Đỉnh triều tại các trạm trong 5 ngày tới ở mức dưới BĐI.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website:

<http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày

14/02/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	12/02		11/02						13/02	14/02	15/02	16/02	17/02
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	124	1	▲	-10	▼	-1	▼	125	127	134	140	145
					Hmin	3	-4	▼	28	▲	-27	▼	-2	-6	-9	-7	-5
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	138	8	▲	-6	▼	19	▲	139	141	148	154	159
					Hmin	-8	-6	▼	32	▲	-7	▼	-13	-17	-20	-18	-16
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	120	2	▲	1	▲	-2	▼	121	123	130	136	141
					Hmin	36	-1	▼	13	▲	-19	▼	31	27	24	26	28
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	140	3	▲	-14	▼	12	▲	141	143	150	156	161
					Hmin	0	-5	▼	26	▲	-20	▼	-5	-9	-12	-10	-8
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	154	8	▲	-6	▼	30	▲	155	157	164	170	175
					Hmin	-5	-6	▼	31	▲	9	▲	-10	-14	-17	-15	-13
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	137	2	▲	-8	▼	11	▲	138	140	147	153	158
					Hmin	-6	-6	▼	29	▲	-13	▼	-11	-15	-18	-16	-14
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	40	-2	▼	-4	▼	-5	▼	42	44	45	42	39
					Hmin	7	-6	▼	-5	▼	-14	▼	5	2	-1	0	2
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	28	-4	▼	-2	▼	-3	▼	28	27	26	25	24
					Hmin	15	-6	▼	-6	▼	-12	▼	14	13	12	11	10
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	35	-4	▼	1	▲	-8	▼	35	34	33	32	31
					Hmin	23	-6	▼	-4	▼	-13	▼	22	21	20	19	18
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	35	-5	▼	-1	▼	-6	▼	35	34	33	32	31
					Hmin	24	-6	▼	-5	▼	-10	▼	23	22	21	20	19
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	45	-3	▼	-1	▼	-2	▼	45	44	43	42	41
					Hmin	31	-7	▼	-6	▼	-9	▼	30	29	28	27	26
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	52	-1	▼	-3	▼	6	▲	53	54	55	52	49
					Hmin	14	-4	▼	-6	▼	-8	▼	15	16	17	13	9
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	63	-1	▼	-3	▼	18	▲	64	65	66	63	60
					Hmin	38	-13	▼	-7	▼	3	▲	39	40	41	37	33
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	50	-3	▼	-6	▼	-3	▼	51	52	53	50	47
					Hmin	34	-4	▼	-8	▼	-10	▼	35	36	37	33	29
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	30	-1	▼	-2	▼	4	▲	31	32	33	30	27
					Hmin	14	-6	▼	-7	▼	-5	▼	15	16	17	13	9
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	81	-1	▼	1	▲	22	▲	82	83	84	81	78
					Hmin	52	-3	▼	-6	▼	9	▲	53	54	55	51	47
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	110	2	▲	-2	▼	24	▲	115	117	119	116	113
					Hmin	51	-2	▼	-3	▼	0	◀▶	49	46	43	44	46
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	77	1	▲	-4	▼	8	▲	80	82	83	80	77
					Hmin	41	-12	▼	-10	▼	-8	▼	43	45	46	42	38

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	63	-1	▼	-5	▼	4	▲	66	68	69	66	63
					Hmin	39	-1	▼	-10	▼	-6	▼	41	43	44	40	36
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	48	-2	▼	-6	▼	8	▲	53	55	57	54	51
					Hmin	29	-2	▼	-11	▼	6	▲	31	33	34	31	28
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	28	-2	▼	-8	▼	-8	▼	31	33	35	36	32
					Hmin	8	8	▲	-12	▼	23	▲	6	4	2	0	2
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	55	7	▲	-9	▼	11	▲	60	62	64	65	60
					Hmin	-13	16	▲	7	▲	17	▲	-18	-21	-23	-25	-23

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





